

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 26 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 tại Bạc Liêu. Nơi đăng ký thường trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Đón đầy sông; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L (chết) và bà Bùi Thị N; Có vợ: Huỳnh Thị T và 04 người con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/3/2023 cho đến nay (có mặt).

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Chị Mạch Anh T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Anh Tô Thanh M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp Thạnh A, xã L, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Ông Đỗ Quốc V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp 22, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Anh Nguyễn Khắc Th, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14/02/2023 Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Khắc Th (con của N), Đỗ Quốc V, Tô Thanh M dùng dây bô (loại dây 20ly) giăng ngang sông để quay bá lan kéo lại cột hàng đáy của N do hàng đáy bị nghiêng. Q, M giữ một đầu dây bên sông đối diện hàng đáy để quay bá lan; N, V, Th giữ một đầu dây cột vào cột hàng đáy bị nghiêng. Khi đang quay gia cố thì Nguyễn Văn T điều khiển võ Composite dài 8,1m, máy xe 3T84 chở anh Nguyễn Ngọc T chạy từ ấp Đ ra hướng cửa Hạp thuộc Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, lúc này T đứng điều khiển võ, điều khiển phươg tiện chạy ngang qua hàng đáy của N thì dây bô vướng vào cổ làm T bật về sau, rơi xuống sông, mọi người truy hô tìm kiếm, đến khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày vớt được T thì T đã tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 13/TT-23 ngày 07/03/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau kết luận Nguyễn Văn T như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

* Khám ngoài:

- 01 vết thương hình chân chim vùng đỉnh, kích thước: 08cm x 01cm.
- 01 mảng bầm và rách da vùng cổ, kích thước: 15cm x 06cm.
- 01 mảng bầm vùng ngực phải, kích thước: 27cm x 08cm.

* Khám trong:

- Bầm máu dưới da vùng đỉnh.
- Tụ máu dưới màng cứng vùng thái dương phải.
- Xuất huyết dưới nhện vùng đỉnh - thái dương phải.
- Hai bán cầu não phù.
- Bầm da - cơ vùng cổ hai bên.
- Tụ máu trước thân cột sống cổ.
- Võ ngang khí quản, vỡ sụn nhẫn.

- Nhiều dịch máu trong lòng khí quản.

- Gãy thân cột sống cổ C4.

* Cận lâm sàng: Không tìm thấy côn và các chất ma túy trong danh mục tầm soát.

* *Nguyên nhân chết*: Chấn thương vỡ khí quản - sụn nhĩn - Gãy thân cột sống cổ C4/Đa chấn thương.

* *Kết luận khác*: Tại thời điểm giám định trong mẫu máu của Nguyễn Văn T không có côn (Ethanol) và chất gây nghiện (ma túy).

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 17/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cản trở giao thông đường thủy” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 273 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Cản trở giao thông đường thủy”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 – 3 năm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau quản lý trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây bô dài 61,05m, loại dây 20 ly.

Đối với Nguyễn Văn Q, Nguyễn Khắc Th, Đỗ Quốc V, Tô Thanh M có cùng tham gia giăng dây với bị cáo nhưng chỉ làm dùm và làm theo chỉ dẫn của N, không mong muốn hậu quả xảy ra, mặt khác đây là lỗi vô ý nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Q, Th, V, M về tội cản trở giao thông đường thủy là phù hợp.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện bị hại trình bày: Xin không xử lý hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bồi thường về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người đại diện hợp pháp cho bị hại là bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14/02/2023, do hàng đày sông của bị cáo bị nghiêng nên bị cáo kêu Nguyễn Văn Q, Nguyễn Khắc Th, Đỗ Quốc V, Tô Thanh M dùng dây bô buộc vào cột đày kéo ngang sông để quay bá lan nhằm mục đích gia cố lại hàng đày nhưng không đặt biển báo hiệu cảnh giới, không tổ chức người canh gác báo hiệu cho phương tiện tham gia giao thông qua lại trên sông, dẫn đến việc bị hại T điều khiển phương tiện chạy ngang qua thì bị dây rường vào cổ rơi xuống sông và tử vong.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội “Cản trở giao thông đường thủy” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 273 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn trong hoạt động giao thông đường thủy, vi phạm khoản 2 Điều 8 Luật Giao thông đường thủy nội địa. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng dây giăng ngang sông nhưng không cảnh báo tín hiệu sẽ gây nguy hiểm cho các phương tiện tham gia giao thông và có thể dẫn đến chết người nhưng do chủ quan, tin rằng nếu có phương tiện qua lại sẽ cảnh báo bằng cách hô hoán cũng như tin rằng người điều khiển phương tiện sẽ nhìn thấy và tự tránh vì kích thước dây lớn nên không tiến hành đặt báo hiệu, để mặc hậu quả xảy ra, hành vi của bị cáo là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn gây ra cái chết cho bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại xin không xử lý hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo không gây nguy

hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người vi phạm biết ăn năn, hối cải.

[6] Về vật chứng: 01 đoạn dây bô dài 61,05m, loại dây 20 ly là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đối với Nguyễn Văn Q, Nguyễn Khắc Th, Đỗ Quốc V, Tô Thanh M, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định có cùng tham gia giảng dạy với bị cáo N nhưng làm giúp do bị cáo nhờ và đều thực hiện theo chỉ dẫn của bị cáo, do đó không đặt ra xem xét trách nhiệm của Q, Th, V, M là phù hợp.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt là có căn cứ, được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 273, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Cản trở giao thông đường thủy”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/6/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người

được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn dây bô dài 61,05m, loại dây 20 ly.

(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi)

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thanh Phong

Nguyễn Văn Hiến

Hồ Dũng Liêm

